

Thanh Phú, ngày 03 tháng 7 năm 2024

Số: 103/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 438/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 và bà Võ Thị X, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị X: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp MN, xã NĐ, huyện MCN, tỉnh Bến Tre.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1945; Địa chỉ: ấp TL, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Ông Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; Địa chỉ: ấp TB, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: ấp AD, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp AT, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn H năm 2012. Hủy văn bản “Giấy sang đất” không ghi ngày tháng năm 2012 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Văn H.

2.2. Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị X có nghĩa vụ liên đới di dời: 01 cây ổi hơn 02 năm tuổi; 50 cây mai vàng đường kính 05cm; 01 cái chuồng bò có chiều ngang 05m, dài 06m; 01 cây giếng khoan nước tầng nông có chiều sâu nhỏ hơn 10m (kể cả trụ bơm) ra khỏi diện tích 3019,4 m² thuộc thửa 751 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để giao trả cho bà Nguyễn Thị Đ diện tích 3019,4 m² thuộc thửa 751 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Về độ dài tứ cận, vị trí thửa đất có trích lục họa đồ hiện trạng sử dụng đất thửa 751 tờ bản đồ số tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre kèm theo.

2.3. Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị X số tiền là 325.000.000 đồng, trong đó: giá trị diện tích 3019,4 m² thuộc thửa 751 tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại ấp Thạnh Lợi, xã Bình Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là 300.000.000 đồng; chi phí cải tạo là 25.000.000 đồng.

Việc giao đất, giao tiền được thực hiện trong cùng một thời gian là ngày 25/8/2024.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4 Do các đương sự thống nhất không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với ông Nghị, bà Lục, bà Tốt, bà Thật nên không xem xét giải quyết.

2.5 Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện nộp là 6.187.100 đồng và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn C phải liên đới nộp là 4.212.500 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị X phải liên đới nộp là 4.212.500 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Đ được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000276 ngày 13/10/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Chi Cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).